

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám;

2. Bà Võ Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 19xx(Có mặt).

Địa chỉ: Số x ấp Ai, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 19xx(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số x ấp Ai, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30 tháng 01 năm 2020, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn L kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông L không lo cho gia đình vợ con, ông thường xuyên cò bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó vợ chồng sống không còn hạnh phúc dẫn đến bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn L có 01 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 03/8/2013, hiện nay đang sống với ông Nguyễn Văn L. Tại phiên tòa hôm nay bà đồng ý giao con cho ông L nuôi đến trưởng thành. Về cấp dưỡng bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L:*

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Vào ngày 28/5/2020 ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng ông không có ý kiến đối với việc bà Phạm Thị T xin ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phạm Thị T cho bà Phạm Thị T được ly hôn cùng ông Nguyễn Văn L. Về con chung tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh D cho ông Nguyễn Văn L nuôi dưỡng đến trưởng thành; Về cấp dưỡng ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 03/8/2013 trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét: Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn L, cưới nhau năm 2012 ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151/2013 ngày 09/7/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà T, ông L sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông L không lo cho gia đình vợ con, ông thường xuyên cò bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống mặc dù bà T đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân để cùng ông L nuôi dạy con khôn lớn nhưng không có kết quả mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến bà T và ông L không thể sống chung được nữa, từ đó bà T đã sống ly thân cùng ông L từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông L đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà T và ông L đã sống ly thân đã lâu nhưng bà T và ông L không hàn gắn tình cảm vợ chồng được, tại phiên tòa hôm nay bà T cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm cùng ông L. Vì vậy xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T.

[4] Về con chung: Bà T và ông L có 01 đứa con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 03/8/2013, hiện đang sống với ông L. Khi ly hôn bà T đồng ý giao con cho ông L tiếp tục nuôi con đến trưởng thành. Xét thấy, từ khi bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn L sống ly thân cùng nhau cho đến nay thì cháu Nguyễn Minh D sống cùng với ông L. Tại phiên tòa bà T đồng ý giao con cho ông L tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, nhằm để tránh cuộc sống hiện tại của cháu Nguyễn Minh D bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của cháu Minh Dương nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh D cho ông Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 03/8/2013 trưởng thành.

[6] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn cùng ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 03/8/2013 cho Nguyễn Văn L nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà Phạm Thị T có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 03/8/2013 mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu Nguyễn Minh D tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng: Từ ngày 16/6/2020.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000162 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên và gia đình sơ thẩm. Bà Phạm Thị T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nhiệm